



# CẬP NHẬT PHÁP LÝ

THÁNG 10/2024

## CONTACT US

 [www.likonlaw.com](http://www.likonlaw.com)

 [inquiries@likonlaw.com](mailto:inquiries@likonlaw.com)

 1st Floor, May Plaza Building, 63D Vo Van Tan,  
Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh City

**LIKON LAW – VIETNAM INTERNATIONAL PRACTICE**

*“Legal Professional Knowledge with a Committed  
Personal Touch”*

## PHẦN 1: CẬP NHẬT PHÁP LÝ THÁNG 10 NĂM 2024

### 1. NGHỊ ĐỊNH 108/2024/NĐ-CP QUY ĐỊNH VIỆC QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC NHÀ, ĐẤT LÀ TÀI SẢN CÔNG KHÔNG SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH ĐỂ Ở GIAO CHO TỔ CHỨC CÓ CHỨC NĂNG QUẢN LÝ, KINH DOANH NHÀ ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ, KHAI THÁC.

Nghị định 108/2024/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 23/8/2024 quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở, giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương thực hiện.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 15/10/2024 nhằm mục đích tăng cường hiệu quả công tác quản lý nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở và hạn chế một cách tối đa tình trạng lãng phí, trực lợi từ việc khai thác tài sản công. Những nội dung đáng chú ý của Nghị định này như sau:

#### 1.1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Nghị định 108/2024/NĐ-CP điều chỉnh việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, công trình xây dựng gắn liền với đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở (sau đây gọi là nhà, đất) giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quy định tại Nghị định này quản lý, khai thác với mục đích:

- Cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất)
- Tạm quản lý trong thời gian chờ thực hiện xử lý nhà, đất theo quy định của pháp luật.

Đối tượng áp dụng Nghị định 108/2024/NĐ-CP bao gồm các cơ quan, cá nhân, tổ chức quy định tại Điều 2 Nghị định này:

- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).
- Các cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện quản lý nhà nước đối với nhà, đất không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.

- Tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương là tổ chức được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất gồm: Đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp khác của địa phương được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất hoặc phát triển, quản lý, khai thác quỹ đất; Doanh nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nắm giữ 100% vốn điều lệ được giao nhiệm vụ quản lý, khai thác nhà, đất (sau đây gọi là Công ty quản lý, kinh doanh nhà).
- Tổ chức, cá nhân thuê nhà hoặc được bố trí sử dụng nhà, đất tạm thời.
- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này.

### **1.2. Phương thức cho thuê nhà**

Theo Điều 5 Nghị định 108/2024/NĐ-CP, việc cho thuê nhà (gắn với quyền sử dụng đất) của tổ chức quản lý, kinh doanh nhà được thực hiện theo phương thức đấu giá, trừ các trường hợp thực hiện theo phương thức niêm yết giá quy định dưới đây:

- Cho các đối tượng ưu tiên thuê nhà, gồm: Tổ chức hội có tính chất đặc thù theo quy định của pháp luật về hội thuê để làm trụ sở làm việc trong trường hợp chưa có trụ sở làm việc; Cơ sở thực hiện xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường thuộc danh mục chi tiết các loại hình và đáp ứng tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn do Thủ tướng Chính phủ quyết định.
- Cho thuê nhà có số tiền thuê nhà xác định theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này tại thời điểm xác định giá để cho thuê dưới 50 triệu đồng/năm.
- Cho thuê nhà đối với nhà, đất trong thời gian chờ thực hiện xử lý theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Nghị định này.

### **1.3. Diện tích nhà cho thuê**

Nghị định 108/2024/NĐ-CP quy định cụ thể về diện tích nhà cho thuê là toàn bộ diện tích sàn sử dụng, bao gồm cả diện tích sử dụng riêng cho từng đối tượng và diện tích sử dụng chung (nếu có).

Trong trường hợp một nhà có nhiều tổ chức, cá nhân cùng thuê mà có phần diện tích sử dụng chung (không phân định được phần diện tích cụ thể được sử dụng của từng tổ chức, cá nhân thuê) thì phần diện tích sử dụng chung được phân bổ tương ứng cho phần diện tích sử dụng riêng để tính tiền thuê cho từng đối tượng thuê.

#### **1.4. Thời hạn cho thuê nhà và gia hạn cho thuê nhà là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở**

##### *a) Thời hạn*

Nghị định 108/2024/NĐ-CP quy định thời hạn cho thuê nhà là tài sản công tối đa là 05 năm; đối với nhà, đất tạm quản lý trong thời gian chờ thực hiện xử lý thì thời hạn cho thuê nhà tối đa là 03 năm. Trường hợp gia hạn thời hạn cho thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định này thì thời hạn gia hạn không vượt quá thời hạn cho thuê lần trước liền kề.

##### *b) Gia hạn thời hạn cho thuê nhà*

Về điều kiện áp dụng, Nghị định 108/2024/NĐ-CP quy định việc gia hạn thời hạn cho thuê nhà áp dụng đối với tổ chức, cá nhân đang thuê nhà đáp ứng đồng thời các điều kiện:

- Có nhu cầu tiếp tục thuê mà trong quá trình thuê sử dụng nhà, đất đúng mục đích thuê, thực hiện đầy đủ, đúng hạn việc thanh toán tiền thuê nhà và các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng ký với tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.
- Không phải thực hiện thủ tục đấu giá hoặc niêm yết giá khi gia hạn thời hạn cho thuê nhà.

Việc gia hạn không áp dụng trong trường hợp Nhà nước có nhu cầu sử dụng nhà, đất đang cho thuê vào mục đích khác hoặc bố trí cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định này sử dụng tạm thời hoặc xử lý theo quy định của pháp luật

Về thủ tục gia hạn, chậm nhất là 03 tháng trước ngày Hợp đồng thuê nhà hết hạn, tổ chức, cá nhân thuê nhà có nhu cầu gia hạn có văn bản gửi tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.

Đối với Hợp đồng thuê nhà có thời hạn ít hơn 03 tháng thì chậm nhất là 01 tháng trước ngày Hợp đồng thuê nhà hết hạn, tổ chức, cá nhân thuê nhà có nhu cầu gia hạn có văn bản gửi tổ chức quản lý, kinh doanh nhà.

Về thời gian xử lý đề nghị gia hạn, trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị gia hạn của tổ chức, cá nhân đang thuê, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà xem xét, quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn thời hạn cho thuê nhà, thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn được biết.

Trường hợp được gia hạn thời hạn cho thuê nhà, tổ chức quản lý, kinh doanh nhà và tổ chức, cá nhân được gia hạn thời hạn thuê nhà ký Phụ lục Hợp đồng thuê nhà. Giá cho thuê nhà được xác định theo Bảng giá cho thuê nhà (bao gồm cả trường hợp phải điều chỉnh nếu giá đất do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành theo quy định của pháp luật về đất đai của cơ sở nhà, đất có nhà đang cho thuê có thay đổi) có hiệu lực tại thời điểm gia hạn.

**2. THÔNG TƯ 30/2024/TT-BGTVT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ SỐ 16/2021/TT-BGTVT NGÀY 12 THÁNG 8 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ THÔNG TƯ SỐ 03/2018/TT-BGTVT NGÀY 10 THÁNG 01 NĂM 2018 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI Ô TÔ NHẬP KHẨU THUỘC ĐỐI TƯỢNG CỦA NGHỊ ĐỊNH SỐ 116/2017/NĐ-CP.**

Ngày 12/08/2018, Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải đã ký ban hành Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.

Theo đó, Thông tư 30/2024/TT có hiệu lực từ ngày 1/10/2024, với nội dung bãi bỏ, thay thế, bổ sung một số điểm, khoản, điều, Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT.

**2.1. Giấy tờ yêu cầu đối với thủ tục đăng kiểm**

Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT đã sửa đổi, bổ sung Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT và Thông tư số 08/2023/TT-BGTVT về việc xuất trình Giấy tờ về đăng ký xe. Cụ thể chủ xe khi đưa xe cơ giới đến đơn vị đăng kiểm để kiểm định và lập hồ sơ phương tiện phải xuất trình một trong các giấy tờ sau:

- Bản chính Chứng nhận đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp
- Bản chính Giấy biên nhận giữ bản chính Chứng nhận đăng ký xe (kèm theo bản sao Chứng nhận đăng ký xe) của tổ chức tín dụng;

- Bản sao Chứng nhận đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính, cho vay tài chính theo quy định của pháp luật hoặc Giấy hẹn cấp Chứng nhận đăng ký xe.
- Bản sao Chứng nhận đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính, cho vay tài chính theo quy định của pháp luật hoặc Giấy hẹn cấp Chứng nhận đăng ký xe

## **2.2. Thủ tục kiểm định xe đăng kiểm**

Thông tư số 30/2024/TT-BGTVT đã bổ sung thêm điều khoản kiểm định đối với xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu, cụ thể: đơn vị đăng kiểm căn cứ hồ sơ do chủ xe cung cấp, kiểm tra tính đầy đủ và hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này, tra cứu thông tin phương tiện trên phần mềm cảnh báo xe cơ giới.

Đối với xe cơ giới phải thực hiện kiểm định, đơn vị đăng kiểm thực hiện kiểm định theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và chụp ảnh xe cơ giới để lưu trữ (có thể hiện thời gian chụp trên ảnh): 02 ảnh tổng thể thể hiện rõ biển số của xe cơ giới (01 ảnh ở góc chéo khoảng 45 độ từ phía trước bên cạnh xe và 01 ảnh từ phía sau góc đối diện).

## **2.3. Thủ tục cấp, cấp lại tem, giấy chứng nhận đăng kiểm**

Thông tư 30/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số quy định về việc cấp, cấp lại tem, giấy chứng nhận đăng kiểm để phù hợp với các quy định liên quan và tình hình thực tế, cụ thể:

### **a) Trường hợp xe cơ giới phải thực hiện kiểm định**

Trường hợp xe cơ giới chưa được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu thì đơn vị đăng kiểm cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định và cập nhật dữ liệu với nội dung “KĐLD-Phương tiện đã được thực hiện việc cấp miễn kiểm định lần đầu” lên phần mềm cảnh báo xe cơ giới.

Trường hợp xe cơ giới đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu thì không cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định.

Trường hợp đơn vị đăng kiểm thực hiện việc in Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định bằng phần mềm cấp miễn kiểm định thì không phải thực hiện việc tra cứu và cập nhật trên phần mềm cảnh báo xe cơ giới.

### **b) Trường hợp xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu**

Trường hợp xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định lần đầu chỉ có Giấy hẹn cấp Chứng nhận đăng ký xe, đơn vị đăng kiểm cấp Tem kiểm định lần đầu, đồng thời cấp Giấy hẹn trả Giấy chứng nhận kiểm định cho chủ xe theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư này.

Trường hợp xe cơ giới đã được cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định lần đầu thì không cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định.

Ngoài ra, đơn vị đăng kiểm phê tô Chứng nhận đăng ký xe hoặc bản chính Giấy biên nhận giữ bản chính Chứng nhận đăng ký xe (kèm theo bản sao Chứng nhận đăng ký xe) đang thế chấp của tổ chức tín dụng hoặc bản sao Chứng nhận đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính để lưu trong Hồ sơ phương tiện, Hồ sơ kiểm định và trả Giấy chứng nhận kiểm định khi chủ xe xuất trình một trong các giấy tờ sau:

- Giấy tờ về đăng ký xe (bản chính Chứng nhận đăng ký xe do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp
- Bản chính Giấy biên nhận giữ bản chính Chứng nhận đăng ký xe (kèm theo bản sao Chứng nhận đăng ký xe) của tổ chức tín dụng
- Bản sao Chứng nhận đăng ký xe có xác nhận của tổ chức cho thuê tài chính), Trường hợp xe cơ giới phải thực hiện kiểm định:

Công ty Nhà nước được chuyển đổi thành công ty TNHH 1 thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu không phụ thuộc việc công ty do cơ quan trên thành lập hay được giao quản lý.

#### ***2.4. Xử lý trường hợp tem, giấy chứng nhận đăng kiểm xe ô tô bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin***

Theo Thông tư 30/2024/TT-BGTVT, việc xử lý các trường hợp Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định còn hiệu lực nhưng bị mất, hư hỏng, rách hoặc có sự sai khác về thông tin được sửa đổi như sau:

##### ***a) Đối với trường hợp xe cơ giới thuộc đối tượng miễn kiểm định bị mất***

Trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận kiểm định lần đầu, Tem kiểm định lần đầu, chủ sở hữu phương tiện hoặc người được ủy quyền theo quy định của pháp luật đến đơn vị đăng kiểm khai báo theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông

tư 30/2024/TT-BGTVT để được in lại 01 lần duy nhất Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định.

Chủ xe không phải mang xe đến đơn vị đăng kiểm nhưng phải trả chi phí cho dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định theo quy định tại Thông tư 11/2024/TT-BGTVT quy định về giá dịch vụ lập hồ sơ phương tiện đối với xe cơ giới được miễn kiểm định lần đầu và dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định đối với xe cơ giới và không phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, thiết bị, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 36/2022/TT-BTC);

*b) Đối với trường hợp xe cơ giới không thuộc đối tượng miễn kiểm định bị mất*

Trừ trường hợp mất đồng thời Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định của xe cơ giới và trường hợp quy định tại điểm a khoản 5 Điều 9 Thông tư 16/2021/TT-BGTVT (sửa đổi tại điểm d khoản 5 Điều 1 Thông tư 30/2024/TT-BGTVT)), hư hỏng, rách chủ xe mang Giấy chứng nhận kiểm định hoặc Tem kiểm định chưa mất, mang đồng thời Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định trong trường hợp bị hư hỏng, rách đến đơn vị đăng kiểm đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định trước đó để nộp lại và khai báo theo mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 30/2024/TT-BGTVT để được in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định trong 01 ngày làm việc kể từ ngày khai báo.

Chủ xe không phải mang xe đến đơn vị đăng kiểm nhưng phải trả chi phí cho dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định theo quy định tại Thông tư 11/2024/TT-BGTVT và không phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới theo quy định tại Thông tư 199/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 36/2022/TT-BTC)

*c) Đối với trường hợp giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định có thông tin sai khác so với hồ sơ phương tiện của xe do đơn vị đăng kiểm in sai*

Chủ xe mang Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định đến đơn vị đăng kiểm đã cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định nộp lại để được in lại Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định trong 01 ngày làm việc kể từ thời điểm nộp. Chủ xe không phải mang xe đến đơn vị đăng kiểm, không phải trả chi phí cho dịch vụ in lại Giấy chứng nhận kiểm định



và Tem kiểm định theo quy định tại Thông tư số 11/2024/TT-BGTVT và không phải nộp lệ phí cấp giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới theo quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 36/2022/TT-BTC). Đơn vị đăng kiểm có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định đã được cấp cho xe cơ giới và thông báo bằng văn bản về Cục Đăng kiểm Việt Nam, Sở Giao thông Vận tải tại địa phương.

### **3. THÔNG TƯ 14/2024/TT-BCT QUY ĐỊNH CHẾ ĐỘ BÁO CÁO ĐỊNH KỲ VỀ CỤM CÔNG NGHIỆP, CƠ SỞ DỮ LIỆU CỤM CÔNG NGHIỆP CẢ NƯỚC VÀ MỘT SỐ MẪU VĂN BẢN VỀ QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN CỤM CÔNG NGHIỆP**

Thông tư này quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước; cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

#### **3.1. Chế độ báo cáo định kỳ**

Thông tư yêu cầu các cơ quan và tổ chức liên quan đến cụm công nghiệp phải thực hiện báo cáo định kỳ theo khung thời gian chặt chẽ:

##### *a) Chốt số liệu báo cáo*

- Báo cáo 6 tháng đầu năm được chốt từ ngày 15/12 của năm trước kỳ báo cáo đến 14/6 của kỳ báo cáo.
- Báo cáo hàng năm chốt từ ngày 15/12 năm trước kỳ báo cáo đến 14/12 của năm báo cáo.

##### *b) Đối tượng báo cáo*

- Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và các tổ chức, cá nhân kinh doanh sản xuất trong cụm công nghiệp phải báo cáo về tình hình hoạt động của dự án vào thời hạn trước ngày 20/6 và 20/12 hàng năm.
- UBND cấp huyện có trách nhiệm tổng hợp báo cáo tình hình của các cụm công nghiệp trên địa bàn và gửi lên Sở Công Thương, UBND cấp tỉnh trước ngày 25/6 và 25/12.

- Sở Công Thương sau đó phải báo cáo tình hình cụm công nghiệp trên toàn tỉnh và gửi đến Bộ Công Thương trước ngày 30/6 và 31/12.

*c) Phương thức nộp báo cáo*

Báo cáo định kỳ có thể nộp dưới dạng văn bản giấy hoặc điện tử, thông qua các phương thức như gửi trực tiếp, bưu chính, hoặc qua các hệ thống liên thông văn bản quốc gia. Điều này tạo điều kiện cho các địa phương thuận tiện trong việc nộp và tiếp nhận báo cáo.

### **3.2. Xây dựng cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp**

*a) Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp*

Thông tư yêu cầu việc xây dựng và vận hành Cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp quốc gia. Đây là hệ thống quản lý thông tin về các cụm công nghiệp trên toàn quốc, do Cục Công Thương địa phương phối hợp với các cơ quan liên quan thực hiện. Việc quản lý tập trung này nhằm tăng cường khả năng giám sát và quản lý, cung cấp thông tin minh bạch và kịp thời về hoạt động của các cụm công nghiệp.

*b) Trách nhiệm cập nhật thông tin*

Sở Công Thương các tỉnh có trách nhiệm cập nhật dữ liệu về các cụm công nghiệp trong địa bàn tỉnh mình vào cơ sở dữ liệu quốc gia. Điều này giúp Bộ Công Thương và các cơ quan quản lý nhà nước có cái nhìn tổng quan về hoạt động của các cụm công nghiệp trên toàn quốc.

### **3.3. Mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp**

Thông tư cũng kèm theo các mẫu văn bản dùng trong quản lý và phát triển cụm công nghiệp, nhằm tiêu chuẩn hóa và đơn giản hóa quá trình báo cáo. Các mẫu này bao gồm các biểu mẫu báo cáo tình hình hoạt động đầu tư xây dựng, sản xuất kinh doanh, cũng như các thông tin liên quan khác. Những biểu mẫu này tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu thập và xử lý thông tin từ các cơ quan và tổ chức.

#### **4. THÔNG TƯ 14/2024/TT-BTNMT QUY ĐỊNH KỸ THUẬT VỀ THĂM DÒ VÀ PHÂN CẤP TRỮ LƯỢNG, TÀI NGUYÊN CÁC MỎ CÁT BIỂN**

Ngày 30/8/2024, theo đề nghị của Cục trưởng Cục Địa chất Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư Quy định kỹ thuật về thăm dò và phân cấp trữ lượng, tài nguyên các mỏ cát biển. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2024.

##### **4.1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Phạm vi áp dụng: Thông tư này áp dụng cho các hoạt động thăm dò, khai thác, và quản lý tài nguyên cát biển trên lãnh thổ Việt Nam.

Đối tượng áp dụng: Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khai thác, thăm dò, và quản lý tài nguyên cát biển, bao gồm cả các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cấp phép khai thác và quản lý tài nguyên.

##### **4.2. Giải thích từ ngữ**

- Cát biển: Là loại khoáng sản có nguồn gốc từ đá vôi và silica, thường được tìm thấy trong các mỏ cát ở vùng biển, có thể sử dụng trong xây dựng và sản xuất.
- Thân cát: Là các khối cát được tích tụ, có thể khai thác được, thường nằm ở độ sâu khác nhau dưới mặt nước biển.
- Công trình thăm dò: Là các thiết bị và phương pháp được sử dụng để khảo sát và đánh giá mỏ cát biển, bao gồm cả các kỹ thuật địa vật lý và thí nghiệm mẫu.

##### **4.3. Tiêu chí phân loại mỏ**

###### *a) Nhóm I*

- Diện tích: Từ 100 ha trở lên.
- Trữ lượng: Từ 1 triệu m<sup>3</sup> trở lên.
- Đặc điểm: Các mỏ lớn, có trữ lượng cao, thường được ưu tiên khai thác.

###### *b) Nhóm II*

- Diện tích: Từ 50 đến 100 ha.
- Trữ lượng: Từ 500.000 m<sup>3</sup> đến 1 triệu m<sup>3</sup>.
- Đặc điểm: Mỏ vừa, có tiềm năng phát triển nhưng cần quản lý chặt chẽ hơn.

*c) Nhóm III*

- Diện tích: Dưới 50 ha.
- Trữ lượng: Dưới 500.000 m<sup>3</sup>.
- Đặc điểm: Các mỏ nhỏ, thường không đủ điều kiện để khai thác thương mại quy mô lớn.

**4.4. Yêu cầu về công tác thăm dò**

- Mẫu và địa điểm: Các đơn vị thăm dò phải tiến hành lấy mẫu cát tại ít nhất 5 điểm khác nhau trong khu vực thăm dò để đảm bảo tính đại diện.
- Đánh giá độ dày: Xác định độ dày của các lớp cát và các yếu tố địa chất liên quan đến môi trường tại các điểm thăm dò.
- Kỹ thuật thăm dò: Sử dụng các công nghệ thăm dò hiện đại như sonar, địa vật lý, và GPS để thu thập dữ liệu chính xác.

**4.5. Yêu cầu về công tác trắc địa và nghiên cứu địa chất**

- Khảo sát trắc địa: Tiến hành khảo sát trắc địa để xác định tọa độ và kích thước các thân cát, bao gồm việc đo đạc chiều sâu và hình dạng của các khối cát.
- Nghiên cứu địa chất: Nghiên cứu địa chất cần phải được thực hiện tại các độ sâu từ 0 đến 30 mét dưới mặt nước biển, bao gồm việc phân tích mẫu đất và nước để đánh giá chất lượng.

**4.6. Yêu cầu về nghiên cứu môi trường**

Đánh giá tác động môi trường: Thực hiện các nghiên cứu tác động môi trường trước khi bắt đầu công tác thăm dò, bao gồm việc đánh giá hiện trạng sinh thái khu vực và các chỉ tiêu chất lượng nước.

Biện pháp bảo vệ môi trường: Đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình thăm dò và khai thác, như giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ hệ sinh thái biển.

**4.7. Mô hình số trị và quan trắc**

Xây dựng mô hình số trị: Thiết lập mô hình số trị để dự báo xu hướng thay đổi của các thân cát theo thời gian, bao gồm cả tác động của các yếu tố tự nhiên như sóng và dòng chảy.

Hệ thống quan trắc: Thiết lập hệ thống quan trắc về thủy - thạch động lực để theo dõi các biến động môi trường như sóng, dòng chảy, và biến đổi chất lượng nước.

#### **4.8. Tác động**

Thông tư này được kỳ vọng sẽ tạo ra cơ sở pháp lý vững chắc hơn cho việc quản lý và bảo vệ tài nguyên cát biển. Các quy định cụ thể sẽ hỗ trợ các cơ quan chức năng trong việc giám sát và kiểm soát chất lượng khai thác, từ đó giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và đảm bảo phát triển bền vững trong các hoạt động khai thác khoáng sản tại Việt Nam.

### **5. THÔNG TƯ 08/2024/TT-BXD QUY ĐỊNH ĐÁNH SỐ VÀ GẮN BIỂN SỐ NHÀ, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng; Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản; Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng.

#### **5.1. Nguyên Tắc Đánh Số Nhà**

*a) Phân loại theo số lẻ và số chẵn*

- Nhà bên trái đường: số lẻ (1, 3, 5, ...).
- Nhà bên phải đường: số chẵn (2, 4, 6, ...).

*b) Chiều đánh số*

- Từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây, đảm bảo tính nhất quán cho mọi tuyến đường.

#### **5.2. Đánh số nhà tại dự án đầu tư xây dựng nhà ở và khu đô thị**

*a) Trách nhiệm của chủ đầu tư*

- Lập phương án đánh số:
  - Chủ đầu tư cần soạn thảo phương án đánh số nhà và gắn biển số cho từng căn hộ trong dự án.
  - Phương án phải nêu rõ cách thức đánh số, cách thức gắn biển và mẫu biển số.
- Phê duyệt phương án: Gửi phương án đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để được phê duyệt trước khi khởi công.

*b) Cách đánh số*

- Phân chia theo lô và dãy:
  - Mỗi lô đất trong dự án sẽ có số riêng (ví dụ: Lô 1, Lô 2, ...).
  - Mỗi dãy nhà sẽ được đánh số từ 1 đến n, gắn thêm ký hiệu dãy (ví dụ: 1A, 2A cho dãy A).
- Ví dụ cụ thể: Dự án khu nhà ở XYZ có 5 dãy (A, B, C, D, E):
  - Dãy A: 1A, 2A, 3A...
  - Dãy B: 1B, 2B, 3B...

**5.3. Đánh Số Nhà Tại Khu Công Nghiệp**

*a) Trách nhiệm của chủ đầu tư*

Mỗi khu vực trong khu công nghiệp sẽ được phân chia thành các lô. Mỗi lô sẽ được đánh số bắt đầu từ 1 cho đến n.

*b) Cấu trúc số nhà*

- Khu vực A: Lô 1A, 1B, 2A, 2B... cho các đơn vị trong khu A.
- Ghi chú trên biển số: Mỗi số nhà cần ghi rõ khu vực, ví dụ: "KCN A - 1".

**5.4. Quy định về biển số nhà**

*a) Cấu tạo của biển số*

- Kích thước và vật liệu:
  - Kích thước tối thiểu: 15 cm x 25 cm.
  - Vật liệu: Chất liệu bền, chống thấm nước, có độ phản quang.
- Nội dung biển số:
  - Ghi rõ số nhà, tên khu vực hoặc tên đường.
  - Ví dụ: "Số 10, Đường ABC, Phường XYZ".

*b) Vị trí gắn biển số*

- Biển số được gắn bên trái hoặc giữa cửa chính, độ cao tối ưu từ 1.5 m đến 2 m để dễ nhìn.

### **5.5. Tổ chức thực hiện**

- Trách nhiệm của các cấp chính quyền:
  - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Chỉ đạo việc thực hiện quy định đánh số nhà và giám sát định kỳ.
  - Ủy ban nhân dân cấp huyện: Tổ chức thực hiện, phê duyệt phương án của các chủ đầu tư và báo cáo kết quả lên cấp tỉnh mỗi quý.
  - Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện theo phương án đã phê duyệt, hỗ trợ công dân trong việc đánh số nhà và xử lý vi phạm.

### **5.6. Hiệu lực thi hành**

Thông tư này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2025. Tất cả các tổ chức, cá nhân liên quan phải thực hiện theo quy định để đảm bảo tính đồng bộ và minh bạch trong quản lý địa chỉ nhà ở và phát triển đô thị.

## PHẦN 2: DANH SÁCH VĂN BẢN PHÁP LÝ CÓ HIỆU LỰC THÁNG 10/2024

STT	SỐ HIỆU VĂN BẢN	NGÀY BAN HÀNH	NGÀY CÓ HIỆU LỰC	LOẠI VĂN BẢN	CƠ QUAN BAN HÀNH	TÊN VĂN BẢN
1	110/2024/NĐ-CP	30/08/2024	15/10/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 110/2024/NĐ-CP về công tác xã hội.
2	108/2024/NĐ-CP	23/08/2024	15/10/2024	Nghị định	Chính phủ	Nghị định 108/2024/NĐ-CP quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác.
3	10/2024/TT-BGDĐT	26/08/2024	11/10/2024	Thông tư	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Thông tư 10/2024/TT-BGDĐT quy định nội dung thi "Cờ thi đua của Đại học Quốc gia".
4	45/2024/TT-NHNN	30/08/2024	16/10/2024	Thông tư	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thông tư 45/2024/TT-NHNN quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
5	14/2024/TT-BTNMT	30/08/2024	15/10/2024	Thông tư	Bộ Tài nguyên môi trường	Thông tư 14/2024/TT-BTNMT quy định kỹ thuật về thăm dò và phân cấp trữ lượng, tài nguyên các mỏ cát biển.
6	65/2024/TT-BTC	05/09/2024	25/10/2024	Thông tư	Bộ Tài Chính	Thông tư 65/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.



7	63/2024/TT-BTC	23/08/2024	15/10/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 63/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 101/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ người nhiễm HIV/AIDS.
8	11/2024/TT-BNNPTNT	04/09/2024	24/10/2024	Thông tư	Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Thông tư 11/2024/TT-BNNPTNT quy định định mức kinh tế - kỹ thuật kiểm kê rừng, theo dõi diễn biến rừng.
9	10/2024/TT-BNV	10/08/2024	01/10/2024	Thông tư	Bộ Nội vụ	Thông tư 10/2024/TT-BNV bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Nội vụ ban hành, liên tịch ban hành.
10	64/2024/TT-BTC	28/08/2024	18/10/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 64/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập, quản lý, sử dụng kinh phí khuyến công.
11	08/2024/TT-BXD	30/08/2024	15/10/2024	Thông tư	Bộ Xây dựng	Thông tư 08/2024/TT-BXD quy định đánh số và gắn biển số nhà, công trình xây dựng
12	09/2024/TT- BXD	30/08/2024	15/10/2024	Thông tư	Bộ Xây dựng	Thông tư 09/2024/TT-BXD sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
13	07/2024/TT- BXD	29/08/2024	15/10/2024.	Thông tư	Bộ Xây dựng	Thông tư 07/2024/TT-BXD bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành hoặc liên tịch ban hành.
14	44/2024/TT-NHNN	30/08/2024	23/10/2024	Thông tư	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Thông tư 44/2024/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 2 Thông tư số 16/2019/TT-NHNN ngày 22 tháng 10 năm 2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phát hành tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.

15	60/2024/TT-BTC	15/08/2024	05/10/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 60/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 34/2021/ TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chuẩn bị và tổ chức Đại hội Thể thao Đông Nam Á lần thứ 31 và Đại hội thể thao người khuyết tật Đông Nam Á lần thứ 11 năm 2021 tại Việt Nam.
16	61/2024/TT-BTC	15/08/2024	05/10/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 61/2024/TT-BTC bãi bỏ Thông tư số 139/2017/ TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa giai đoạn 2016 - 2020.
17	30/2024/TT-BGTVT	12/08/2024	01/10/2024	Thông tư	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư 30/2024/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2021/TT-BGTVT ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và Thông tư số 03/2018/TT-BGTVT ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô nhập khẩu thuộc đối tượng của Nghị định số 116/2017/NĐ-CP.
18	14/2024/TT-BCT	15/08/2024	01/10/2024	Thông tư	Bộ Công thương	Thông tư 14/2024/TT-BCT quy định chế độ báo cáo định kỳ về cụm công nghiệp, cơ sở dữ liệu cụm công nghiệp cả nước và một số mẫu văn bản về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.
19	02/2024/TT-VSKTC	12/08/2024	01/10/2024	Thông tư	Viện kiểm sát nhân dân tối cao	Thông tư 02/2024/TT-VKSTC quy định về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Kiểm sát nhân dân.

20	13/2024/TT-BCT	08/08/2024	01/10/2024	Thông tư	Bộ Tài chính	Thông tư 13/2024/TT-BCT quy định về phân cấp và lập báo cáo tài nguyên, trữ lượng dầu khí.
21	09/2024/TT-BGTVT	05/04/2024	05/10/2024	Thông tư	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư 09/2024/TT-BGTVT ban hành Sửa đổi 01:2024 QCVN 43:2012/BGTVT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ.
22	03/2024/TT-BKHCN	15/04/2024	15/10/2024	Thông tư	Bộ Khoa học và Công nghệ	Thông tư 03/2024/TT-BKHCN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.
23	06/2024/TT-BGTVT	31/03/2024	01/10/2024	Thông tư	Bộ Giao thông vận tải	Thông tư 06/2024/TT-BGTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc.
24	13/2024/QĐ-TTg	13/08/2024	01/10/2024	Quyết định	Thủ tướng	Quyết định 13/2024/QĐ-TTg ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính (cập nhật).